Từ ngữ Phật học thường dùng Hoa-Việt (Cư sĩ Minh Thông)

Từ điển — tra cứu lẻ

PhÀn Hoa - ViŒt

An-Shigao ---> An Th‰ Cao Chang-Heng ---> TrÜÖng Hằng An-Shih-Kao ---> An Th‰ Cao ---> Än Shigäo Chang-Hsien ---> TrÜÖng Tiên ---> Zhang Xien (C) (C) An-Shin-Kao ---> An Th‰ Cao ---> Än Shigäo Chang-Hsiu ---> TrÜÖng Tú ---> Zhang Xiu (C) Chang-Kuo-lao ---> TrÜÖng quÓc Lão ---> An-Fa-K'inn ---> An pháp Khâm Zhang Guolao (C) An-Lu-shan ---> An L¶c SÖn Chang-Liang ---> TrÜÖng LÜÖng ---> Zhang Ayuwang-shan ---> A døc vÜÖng sÖn Xiong (C), Choyu (J) Baduajin ---> Bát Toàn kinh Chang-Ling ---> TrÜÖng ñåo Læng Baimasi ---> Bảch Mã t¿ Chang-Lu ---> TrÜÖng L‡ Baiyun-quan ---> Bảch Vân quán Chang-Lu ---> TrÜÖng L‡ Baiyun-Shouduan ---> Bảch Vân Thû ñoan Chang-Minh-yuan ---> TrÜÖng Minh ViÍn Baizhangqiunggui ---> Bách TrÜ®ng Thanh Chang-Po-Tuan ---> TrÜÖng Bá ñoàn ---> Quy Zhang Boduan Bajiao-Huiqing ---> Ba Tiêu HuŒ Thanh Chang-sha-Ching-chen ---> TrÜ©ng Sa Cänh Baling-Haojian ---> Ba Læng Häo Ki‰m ---> Ba SÀm ---> Chang sha Ching tsin Læng Hảo Giám Chang-sha-Ching-tsin ---> TrÜ©ng Sa Cänh Baofeng-Kewen ---> Bäo Phong Kh¡c Vân ---> Sàm Hobo Kokumon (J) Chang-Sheng-wen ---> TrÜÖng Th¡ng Ôn Baofu ---> Bäo PhÜ§c Tòng Tri‹n ---> Hokufu (J) Chang-Shuo ---> ThÀn Tú Baofu-Congzhan ---> Bäo PhÜ§c Tòng Tri‹n Chang-Tao-Ling ---> TrÜÖng ñåo Læng ---> Baolin-si ---> Bäo Linh t¿ Zhang Daoling (C), Chang Ling (C) Baolinsi ---> Bäo Lâm t¿ Chang-Tsung-yen ---> TrÜÖng TÓng Yên ---> Baopuzi ---> Bäo Phác Tº Zhang Zongyen (C) Bao-ying-Hui-yung ---> Bäo ng HuŒ Ngung Chang-Ching-Huai-Hui ---> TrÜ©ng Khánh Hoài HuŒ ---> Zhangjing-huaihui (J), Shokyo Beizongchan ---> ThiŠn B¡c tông Eki (J) Besson-Zakki ---> BiŒt tôn tập kš Ch'ang-ch'ing-Hui-leng ---> TrÜ©ng Khánh Bixia-yuanjun ---> Bí ch Hà Nguyên Quân HuŒ Læng Biyanlu ---> Bí ch nham løc Ch'ang-ch'ing-Ta-an ---> TrÜ©ng Khánh ñải An Bokitsu ---> Møc Khê ---> Chokei Daian (J) Bokutju ---> Møc Châu Ch'ang-Sha-Ching-Ts'en ---> TrÜ©ng Sa Cänh Budai ---> BÓ ñải SÀm ---> Changsha Jingcen (C), Chosha Cao-Guojiu ---> Tào QuÓc Cºu Keujin (J) Caodongzong ---> Tào ñ¶ng tông Changsha-Jingcen ---> TrÜ©ng Sa Cänh SÀm Caoshan-Benji ---> Tào SÖn Bän TÎ ch Ch'ang-shun ---> TrÜ©ng ThuÆn Chai ---> Trai ---> Fasting feasts Changzong ---> ThiŠn tông Ch'an ---> ThiŠn Chanshé ---> ThiŠn sÜ Chan-lang ---> ChÃn Lãng Ch'an-tsung ---> ThiŠn tông ---> Zen school ---> Ch'an-na ---> ThiŠn na Changzong (C), Zenshu (J) Ch'an-shi ---> ThiŠn sÜ ---> Chanshé (C) Chao-Chou-Tsung-shen-(778-897) ---> TriŒu Ch'an-shih ---> ThiŠn sÜ ---> Zen master ---> Châu Tùng ThÄm ---> Joshu Jushin (J) Zenji (J) Chao-pien ---> TriŒu BiŒn Ch'ang-an ---> TrÜ©ng an Chao-chou ---> TriŒu Châu Chang-cho ---> TrÜÖng Chuy‰t Chao-chou-Ts'ung-shen ---> TriŒu Châu Tòng Chang-Chuang-yuan ---> TrÜÖng Trung ThÄm ---> Zhaozhou Congshen (C), Joshu Nguyên Jushin (J), Chao-chou (C) Chang-Chue ---> TrÜÖng Giác ---> Zhang Jue Chekiang ---> Chi‰t giang (C) Chen ---> ChÃn

PhÀn Hoa - ViŒt

Chen-chueh-Sheng ---> Chân Giác Th¡ng ---> Chih-che ---> Trí Giä Chen ju Tao jen (C) Chih-chiang-liang-lou ---> Chi CÜÖng LÜÖng Chen-ju-Tao-jen ---> Chân NhÜ ñåo Nhân Lâu Ch'en-T'uan ---> TrÀn ñoàn ---> Chen Tuan Chih-I ---> Trí Giä ---> Chih-che (C), Chisha (J), Cheng-wu-Hsiu-yung ---> Chúng Ng¶ Tu Chigi (J) Ngung Chih-Men-Kuang-Tsu ---> Trí Môn Quang T¶ -- Cheng-fa-hua-ching ---> Chánh Pháp Hoa kinh -> Zhimen Guangzi (C) Chimon Koso (J) Chenghuang ---> Thành hoàng Chih-Tun ---> Trí ñôn ---> Chih Tao-lin (C) Ch'eng-Huang ---> Thành hoàng ---> Chih-yen ---> Trí NghiÍm Chenghuang (C) Ch'i-kung ---> Khí công Cheng-i-tao ---> Thành nhÃt Çåo ---> Way of Ch'i-ming ---> TØ Minh Right Unity Chin-dynasty ---> TÃn triŠu Ch'eng-kuan ---> TrØng Quán Ch'in-dynasty ---> TÀn triŠu Chen-ren ---> Chân nhân ---> Taoism master ---> Ch'in-Shih-Huang ---> TÀn Thûy Hoàng Zhenren (C) Ching ---> Tinh ---> Essence Chen-ta-tao-chiao ---> Chân ñåi ñåo giáo Ching-phu-Jih-yu ---> Cänh Phúc NhÆt DÜ Chen-Tsung ---> Chân Tông Ching-ping-Ling-tsun ---> Thanh Bì nh Linh Ch'i ---> Khí ---> Breath Tuân Chi-An ---> T‰ An Ching-shan-Tao-Chin ---> Kinh SÖn ñåo Khâm Chi-hsien-Cinh-jou ---> Thê HiŠn Trí Nhu Ching-yuan-Hsing-szu ---> Thanh Nguyên Chi-Lou-chia-ch'ien ---> Chi Lâu Ca SÃm Hành TÜ ---> Seigen Gyoshi (J) Chi-Sung ---> Kh‰ Tung ---> Kaisu (J) Ching-yuan-Wei-hsin ---> Thanh Nguyên Duy Chia-yu ---> Gia Ng» ---> Instructive Discourses Tí n ---> Seigen Ishin (J) Chiang-ling ---> Giang Læng Ching-kung ---> Tï nh công Chiang-shan-Fa-ch'uan ---> TÜÖng SÖn Pháp Ching-Te-Ch'uan-Teng-Lu ---> Cänh ñÙc Tuyên TruyŠn ñæng Løc ---> Jingde chuadengdu (C), Chiang-hsi-Tao-i ---> Mã t° ñåo nhÃt Keitoku Dento-roku (J) Chi-chao-shen-pien-san-mo-ti-ching ---> TÎ ch Ching-t'sen ---> Cänh SÀm chi‰u thÀn bi‰n tam ma ñÎ a kinh Ch'ing-yuan-Hsing-ssu ---> Thanh Nguyên Ch'ien ---> Càn Hành TÜ ---> Qingyuan Xingsi (C), Seigen Chien-chi-I ---> TiŠn Kê Nghi Gyoshi (J) Chien-Paling ---> Giám Ba Læng ---> Kan Chin-kuang-ming-tsui-sheng-wang-ching ---> Haryo (J) Kim quang minh tÓi th¡ng vÜÖng kinh Chien-yuan ---> TiŒm Nguyên Chin-lien ---> Kim Liên Ch'ien-shou-ch-'ien-yen-kuan-shih-yin-p'u- Ch'in-shan-Wen-sui ---> Khâm sÖn Væn Thúy -- sa-kuang-ta-t-'u-man-wu-ai-ta-fei-hs in-t'o- -> Qinshan Wensui (C), Kinzan Bunsui (J) lo-ni-ching ---> Thiên thû thiên nhãn Quán Th‰ Chi-tsang ---> Trí Tång Âm bÒ tát quäng ñåi viên mãn vô ngåi ñåi bi Chi-tsang ---> Cát Tång tâm ñà ra ni kinh Chiu-feng-Chen-ching ---> C°u Phong Chân Chih-che-Taishi ---> Trí Giä ñåi sÜ ---> Chisha Tî nh daishi (J) Chiu-pheng-Pu-man ---> C°u Phong Ph° Mãn Chih-huang ---> Trí Hoàng Chiu-t'o ---> CÙu Thoát Chih-men ---> Trí Môn Chou-dynasty ---> Chu triŠu Chih-Tao-lin ---> Trí ñôn Chou-his ---> Châu Hy Chih-tsang ---> Trí Tång Chou-I-tun ---> Chu ñôn Di Chih-yueh ---> Trí DÜ®c Chou-Tun-i ---> Chu ñôn Di Chih-ch'an-ping-pu-pi-yuo-fa ---> TrÎ thiŠn Chu-chou-Lai ---> Chu Châu Lai bŒnh bí y‰u kinh Chu-Fa-k'uang ---> Låp Pháp Khoáng

PhÀn Hoa - ViŒt

Chu-Hsi ---> Chu Hy Daoxin ---> ñåo Tí n Chü-Kokushi ---> Trung QuÓc sÜ Daoxuan ---> ñåo Tuyên Chu-ne ---> SÖn ThiŒu Kÿ Daozhe-Chaoyuan ---> ñåo Giä Siêu Nguyên --

Ch'u-san-tsang-chi-chi ---> XuÃt tam tång kš -> Dosha Chogen (J) tÆp Dasui-Fazhen ---> ñåi Tuÿ Pháp Chân Chuan-lao ---> Xuyên Lão Datang-Xiyuji ---> ñåi ñÜ©ng Tây v¿c kš Ch'uan-chen-tao ---> TruyŠn chân Çåo Deshan-Xuanjian ---> ñÙc sÖn Tuyên giám Chuan-chen-tao ---> TruyŠn chân Çåo Ding-Shangzuo ---> ñÎ nh ThÜ®ng T†a Chuandenglu ---> TruyŠn ñæng Løc Dongong ---> ñ¶ng Công ---> Ch'i-kung exercise Chuang-Chou ---> Trang Tº ---> Tung kung (C) Chuang-tzu ---> Trang Tº ---> Chuang Chou Dongshan-Shouzhu ---> ñ¶ng SÖn Thû SÖ (C) Doushuai-Conggyue ---> ñâu SuÃt Tùng DuyŒt Ch'uan-teng-lu ---> TruyŠn ñæng Løc ---> Dunhuang ---> ñôn Hoàng Chuandenglu (C) Ekwan ---> Ki‰t Tång Chu-chih ---> Câu Chi ---> Juzhi (C), Gutei (J) Fa-chan ---> Pháp ThiŒn Chu-hung ---> Châu Ho¢ng ---> Zhuhong Fa-Siou ---> Pháp Tú Chukhih ---> CÀu Chi ---> Gutei (J) Fa-yun-Yuan-t'ung ---> Pháp Nhãn Viên Thông Chu-lin-Ch'i-Hsien ---> Trúc Lâm ThÃt HiŠn --- Fabaotanjing ---> Pháp Bäo ñàn kinh > Seven Sages of Bamboo Grove Fa-chen ---> Pháp Thånh ThiŠn sÜ Ch'un-chiu-ching ---> Xuân Thu kinh ---> Spring and Autumn Annals Fa-Hien ---> Pháp Hi‹n ThiŠn sÜ Chung-Li-chuan ---> TrÜÖng Lão Quä Fa-hoa-tsung ---> Pháp Hoa tông Chung-chung-tsa-chou-ching ---> Chûng Fa-hsiang-tsung ---> Pháp tÜ§ng tông ---> chûng tåp chú kinh Faxiang (C), Hosso (J) ---> Duy thÙc tông Chung-tsung ---> Trung Tông Fa-hsien ---> Pháp Hi‹n Chung-yung ---> Trung Dung ---> Application of Fa-hsing ---> Pháp Hånh the Center Fa-hua-man-t'o-lo-wei-i-hsing-se-fa-ching ---> Chu-sha-ching-sheng ---> ThÜ CØ Kinh Thanh Pháp hoa mån trà la oai nghi hì nh thÙc pháp Chu-shan-Shao-chi ---> SÖn ThiŒu Kÿ kinh Congronglu ---> Tùng Dung løc Fahua-sanmei ---> Pháp Hoa Tam Mu¶i ---> Hokke zammai (J) Cuiyan-Lingcan ---> Thúy Nham Linh Nham Fa-jung ---> Pháp Dung ---> Farong (C), Hoyu Dadong-Zhenjing ---> ñåi ñ¶ng chân kinh (J) Dahui-Zonggao ---> ñåi TuŒ Tông Cäo Fajung ---> Pháp Dung Daiko-Koke ---> ñåi Quang ChÜ HuŒ Fa-lang ---> Pháp Lãng Daizong ---> Thái Tông hoàng Ç‰ Fang-chang ---> PhÜÖng trÜ®ng Damei-Fachang ---> ñåi Mai Pháp ThÜ©ng Fang-hui ---> PhÜÖng H¶i Danxia-Tiannin ---> ñàn Hà Thiên Nhiên ---> Fang-kuang-ta-chuang-yen-ching ---> PhÜÖng Tanka Tennen (J) quäng Çåi trang nghiêm kinh Danxia-Tianran ---> ñÖn Hà Thiên Nhiên Fang-shih ---> PhÜÖng sï ---> Black magician Danxia-zichun ---> ñàn Hà Tº ThuÀn ---> Fa-pao-t'an-ching ---> Pháp Bäo ñàn kinh ---> Tanka Shijun (J) Sutra of the High Seat of the Dharma Treasure --- Danyuan-yingzhen ---> ñam Nguyên ng Chân > Fabaotanjing (C), Hobodan-gyo (J) ---> Tangen Oshin (J) Farong ---> Pháp Dung ---> Háyü (J) Dao ---> ñåo giáo ---> Taoism ---> Dá (J) Fashun ---> Pháp ThuÆn Daoan ---> ñåo An Fa-siang-tsong ---> Pháp tÜ§ng tông Daoming ---> ñåo Minh Fa-sieng-tsong ---> Pháp tÜ§ng tông Daowu-Yuanzhi ---> ñåo Ng¶ Viên Trí ---> Fa-tsang ---> Pháp Tång Dogo Enchi (J) Faxian ---> Pháp Hi‹n

PhÀn Hoa - ViŒt

Faxiang-zong ---> Pháp tÜ§ng tông ---> Hossá- hånh pháp kinh shü (J) Fo-shuo-kuan-Yao-wang-Yao-shang-erh-p'u- Fayan-Wenyi ---> Pháp Nhãn Væn ´ ch ---> sa-ching ---> PhÆt thuy‰t DÜ®c VÜÖng DÜ®c Hágen-Bun'eki (J), Fa-yen Wen-i (C) ThÜ®ng nhÎ bÒ tát kinh Fayangzong ---> Pháp nhãn tông ---> Hágen-Fo-shuo-kuan-fo-san-mei-hai-ching ---> PhÆt shü (J) thuy‰t quán PhÆt tam mui häi

kinh Fa-yen ---> Pháp DiÍn Fo-shuo-kuan-t'ing-ching ---> PhÆt thuy‰t Fa-yen-tsung ---> Pháp nhãn tông ---> quán Çänh kinh Fayangzong (C), Hogen-shu (J) Fo-shuo-pa-chi-hsiang-shen-chou-ching ---> Fa-yen-Wen-i ---> Pháp Nhãn Væn ´ ch ---> PhÆt thuy‰t bát Çåi cát tÜ©ng chú vÜÖng kinh Dosen Bin'eki (J), Fayan Wenyi (C) Fo-shuo-to-chi-hui-cheng-fa-ching ---> PhÆt Fayen-Wutsu ---> Pháp DiÍn NgÛ T° ---> Hoyen thuy‰t ñåi tÆp hi chánh pháp kinh Goso (J) Fo-shuo-tso-fo-hsing-hsiang-ching ---> PhÆt Fa-yiin-chih-lueh ---> Pháp vÆn chí lÜ®c thuy‰t tác phÆt hì nh tÜ®ng kinh Feng-chou-Wu-yeh ---> PhÀn Châu Vô NghiŒp Fo-shuo-Wei-mo-chieh-ching ---> PhÆt thuy‰t Feng-hsueh-Yen-chao ---> Phong HuyŒt Diên Duy Ma CÆt kinh Chi‹u Fo-shuo-wei-tseng-yu-ching ---> PhÆt thuy‰t vÎ Feng-chou ---> PhÀn Châu t¢ng h»u kinh Feng-Hsueh-Yen-chao ---> Phong HuyŒt Diên Fo-t'u-teng ---> PhÆt ñÒ TrØng Chi‹u ---> Fengxue Yanzhao (C), Fuketsu Fu-ta-shih ---> Phó ñåi Sï ---> Fudaishi (J) Ensho (J) Fu-Hsi ---> Phøc Hy Feng-kan ---> PhÜÖng Quäng Fu-hsing ---> Phúc tinh ---> Lucky Star ---> Fengxue-Yanzhao ---> Phong HuyŒt Diên Chi‹u Fuxing (C) Fen-yang-Shan-chao ---> PhÀn DÜÖng ThiŒn Fu-lu ---> Bùa Chiêu ---> Fenyang Shanzhao (C), Fun'yo Fuxing ---> Phúc tinh Zensho (J) Gah-karakam ---> –c Xá Giä Fenyang-Shanzhao ---> PhÀn DÜÖng ThiŒn Gelugpa ---> ñÙc hånh phái ---> dge-lugs-pa (T) Chiêu ---> Phái mÛ vàng Fo-chien ---> PhÆt ñæng Thû Tuân Genshin ---> Fo-chien-Fo-kuo ---> PhÆt ñæng Thû Tuân Gosan ---> NgÛ sÖn Fo-feng-Sho-hsun ---> PhÆt ñæng Thû Tuân --- Gozu-shü ---> NgÜu ÇÀu tông > Fo chien, Hui chin, Fo chien Fo kuo, Ke Guangzi ---> Quang T¶ chin Fo kuo (C) ---> Kh¡c CÀn PhÆt Quä Guanxing ---> Quan tinh Fo-yen-cheng-yuan ---> PhÆt Nhãn Thanh ViÍn Guanyin ---> Quan Âm Fo-hua-yen-ju-ju-lai-te-chih-pu-ssu-i-ching-Guifeng-Zongmi ---> Khuê Phong Tông MÆt chieh-ching ---> PhÆt hoa nghiêm nhÆp nhÜ lai Guishan-Lingyu ---> Qui SÖn Linh H¿u trí bÃt tÜ nghÎ cänh gi§i kinh Guo-Xiang ---> Quách TÜ®ng Fokuang ---> PhÆt Quang ---> Bukkho (J) Hai-yu ---> Häi Ng¿ Fo-pen-hsing-chi-ching ---> PhÆt b°n hånh tÆp Hakuin ---> Båch …n HuŒ Hắc kinh Han-Chung-Li ---> Hàn Chung Li ---> Han Fo-shuo-fo-ming-ching ---> PhÆt thuy‰t PhÆt Zhongli (C) danh kinh Han-Hsiang-Tzu ---> Hàn Giang Tº ---> Han Fo-shuo-hua-shou-ching ---> PhÆt thuy‰t hoa Xiangzi (C) thû kinh Han-Wu-ti ---> Hán VÛ ñ‰ Fo-shuo-kuan-Mi-lo-p'u-sa-shang-sheng-Tu- Han-Xiangzi ---> Hàn Giang Tº shi-t'ien-ching ---> PhÆt thuy‰t quán Di L¥c bÒ tát thÜ®ng sanh ñâu SuÃt thiên kinh Han-Zhongli ---> Hàn Chung Li Fo-shuo-kuan-Pu'-sien--p'u-sa-hsing-fa- Han-Fei-tzu ---> Hàn Phi Tº ching ---> PhÆt thuy‰t quán Ph° HiŠn bÒ tát Hang-chou ---> Hàng Châu

PhÀn Hoa - ViŒt

Hang-Chou-T'ien-Lung ---> Hàng Châu Thiên TÜÖng Long ---> Hangzhou Tianlong (C); Koshu Hsiang-lin-Ch'en-yuan ---> HÜÖng Lâm TrØng Tenryu (J) ViÍn Hangchou-Wenhisi ---> Hàng Châu Væn HÌ ---> Hsiang-shan-Wu-wen-T'sung ---> HÜÖng SÖn Koshu Bunki (J) Vô Væn Thông Hangzhou-Tianlong ---> Hàng Châu Thiên Hsiang-yen-Chih-hsian ---> HÜÖng Nghiêm Trí Long ---> Káshü Tenryü (J) Nhàn ---> Kyogen Chikan (J) Hanshan ---> Hàn SÖn Hsiang-chuan ---> ThÜ®ng truyŒn ---> Han-shan ---> Hàn SÖn ---> Hanshan (C), Commentary on the Images Kanzan (J) Hsianglin ---> HÜÖng Lâm ---> Korin (J) Hao-lin ---> Hắc Lâm Hsiang-lin-Ch'eng-yuan

---> HÜÖng Lâm TrØng Hashang-Mahäyäna ---> ---> rgya nag gi hva ViÍn ---> Kyorin Choon (J), Xianglin shang Chengyuan (C) Hau-tou ---> Thoåi ÇÀu Hsiang-yen-Chih-hsien ---> HÜÖng Nghiêm Trí He-shan ---> Hoa SÖn ---> Kwazan (J) Nhàn ---> Xiangyan Zhixian (C), Kyogen Hei-shui-Cheng ---> H¡c Thûy ThØa Chikan (J) Hesezong ---> Hà Trách Tông Hsiao-wu ---> Hi‰u Võ Heshan-Wuyin ---> Hoà SÖn NgÛ Âm Hsiao-yen ---> Hi‰u Nghiêm Hiuan-Tsang ---> HuyŠn Trang Hsien-shou ---> HiŠn Thû ---> Genju (J) Ho-Hsien-ku ---> Hà Tiên Cô Hsien-t'ien ---> Tiên thiên ---> Xiantian (C) Hoa-yen-Tsung ---> Hoa Nghiêm Tông ---> Hsien-tsai-hsien-chieh-ch'ien-fo-ming-ching Kegonshu (J) ---> HiŒn tåi HiŠn ki‰p tam thiên PhÆt danh kinh Hágen-school ---> Pháp Nhãn tông ---> Fa-yen Hsien-tsai-shih-fang-ch'ien-wu-pai-fo-ming- tsung (C), Hogen-shu (J) ping-tsa-fo-t'ung-hao ---> HiŒn tåi thÆp Hágen-shü ---> Pháp Nhãn tông phÜÖng ngÛ bách PhÆt danh tÎ nh tåp PhÆt ÇÒng hiŒu Ho-nan ---> Hà nam ---> HÒ nam Hsien-yii-ching ---> HiŠn ngu kinh Hongren ---> Ho¢ng NhÅn Hsing-hua-Ts'ung-chiang ---> HÜng Hóa TÒn Ho-shan-Wu-yin ---> Hoà SÖn NgÛ Âm ---> Trang ---> Xinghua Congjiang (C), Koke Heshan Wuyin (C), Kasan Muin (J) Ho-shang-kung ---> Hà ThÜ®ng Công ---> Zonsho (J) ---> HÜng Hóa TÒn TÜÖng Heshang gong (C) Hsing-yang-Ch'ing-jang ---> HÜng DÜÖng Hosso ---> Pháp tÜ§ng tông Thanh NhÜ®ng ---> Xingyang Qingrang (C), Ho-tse-Shen-hui ---> Hà Trách ThÀn H¶i ---> Koyo Seijo (J) Keze Shenhui (C), Kataku Jin'e (J) Hsing-yen-Chih-hsien ---> HÜÖng Nghiêm Trí Ho-tse-tsung ---> Hà Trách Tông ---> Hesezong Nhàn ---> Kyogen Chikan (J) (C), Kataku-shu (J) Hsi-tang-Chih-tsang ---> Trí Tảng Tân ñÜ©ng -- Ho-t'u ---> Hà ñÒ ---> Diagram from the River -> Xidang Zhizang (C), Seido Chizo (J) Hou-fa ---> H¶ pháp Hsi-tz'u ---> HŒ TØ Hou-t'ien ---> HÆu thiên Hsi-tzu ---> HŒ TØ ---> Commentary on the Ho-yen-King ---> Kinh Hoa nghiêm Appended Judgments ---> Ta-chuan (C) Háyü ---> Pháp Dung Hsi-yu-chi ---> Tây du kš ---> The Journey to the Hsan-Tsang ---> HuyŠn Trang West Hsi-ch'iang ---> Tây giang Hsi-Yuan-Ssu-ming ---> Tây ViŒn TÜ Minh ---> Xiyuan Siming (C), Sain Shimyo (J) Hsi-K'ang ---> Kê Khang ---> Xi Kang (C) Hsu-chou ---> HÜ Chu Hsi-wang-mu ---> Tây vÜÖng mÅu ---> Royal Hsu-feng-I-t'sun ---> Tuy‰t Phong Nghï a TÒn Mother of the West Hsu-tang ---> HÜ ñÜ©ng ---> Kido (J) Hsia-Dynasty ---> Hå triŠu ---> Nhà Hå Hsu-Yun ---> HÜ Vân hoà thÜ®ng Hsiang-hua-Ts'un-chiang ---> HÜng Hóa TÒn

PhÀn Hoa - ViŒt

Hsuan-chiao ---> HuyŠn giác Huan-chin ---> Hoàng Cân ---> Yellow Turbans - Hsuan-chiao-Cheng ---> HuyŠn Giác TrÜng ---> --> Huangjin (C) Genkaku Cho (J) Huang-lung-Huinan ---> Hoàng Long HuŒ Hsuan-chiao-Yung-chia ---> HuyŠn Giác Vï nh Nam ---> Oryo Enan (J) Gia ---> Genkaku Yoka (J) Huang-Po ---> Hoàng Bá Hsuan-sha-Shih-pei ---> HuyŠn Sa Giang Bi‹u Huang-sanku ---> Hoàng SÖn CÓcc ---> Hsuan-su ---> HuyŠn TÓ ---> Hao lin (C) ---> Kozankoka (J) Hắc Lâm Huang-lao-chun ---> Hoàng Lão Quân ---> Hsuan-Tse ---> HuyŠn T¡c ---> Gensoku (J) Ancient Yellow Lord ---> Huanglaojun (C) Hsuan-T'se ---> HuyŠn Sách ---> Gensaku (J) Huanglaojun ---> Hoàng Lão Quân Hsuan-chuang ---> HuyŠn Trang ---> Genjo Huanglong-Huinan ---> Hoàng Long HuŒ Nam Sanzo (J); Hiuan-Tsang (C), Husan-tsang (C), Huang-lung-Hui-nan --->

Hoàng Long HuŒ Xuanzang (C), San-tsang (C), ---> Sentsang (C), Nam ---> Huanglong Huinan (C), Oryo E'nan T'ang-seng (C) (J)

Hsuan-hsuen ---> HuyŠn h†c ---> Secret mystical Huang-lung-p'ai ---> Hoàng long phái ---> teaching Oryo-ha (J) Hsuan-sha ---> HuyŠn sa Huangmei ---> Hoàng Mai Hsuan-sha-Shih-pei ---> HuyŠn Sa Giang Bi‹u Huang-mei ---> Hoàng mai ---> Huangmei (C), ---> Gensha Shibi (J) ---> HuyŠn Sa SÜ BÎ Obai (J) Hsuan-Tsang ---> Huang-po-Hsi-yun ---> Hoàng Bá Hy VÆn ---> Obaku Kiun (J) Hsuan-tsung ---> HuyŠn tông ---> Xuanzong (C) Huang-ti-nei-ching ---> Hoàng Ç‰ n¶i kinh Hsuan-ying ---> HuyŠn ng Huangting-Jing ---> Hoàng ñì nh kinh Hsueh-yen ---> Tuy‰t Nham Huang-t'ing-ching ---> Hoàng Çì nh Kinh Hsueh-feng ---> Tuy‰t Phong Hua-t'o ---> Hoa ñà ---> Hua Tuo (C), Hua Hsueh-feng ---> Tuy‰t phong ---> Seppo Gison (J) T'ou (C) Hsueh-feng--I-ts'un ---> Tuy‰t Phong Nghï a Huayen ---> Hoa Nghiêm TÒn ---> Seppo Gison (J), Xuefeng Yicun (C) Hua-yen-p'ai ---> Hoa Nghiêm phái ---> Hsueh-tou-Chung-hsien ---> Tuy‰t ñÆu Trùng Kegon(J), Huayen (C) Hi‹n ---> Xuedou Chongxian (C), Setcho Hua-yen-School ---> Hoa Nghiêm tông ---> Juken (J), Hsueh-tou Ch'ung-hsien (C) Hua-yen tsung (C), Kegon shu (J) Hsueh-tou-Ch'ung-hsien ---> Tuy‰t ñÆu Trùng Hua-yen-tsung ---> Hoa Nghiêm tông Hi‹n Hui-Chih ---> HuŒ Thi Hsu-kua ---> T¿ quái ---> Sequences of Hexagrams Hui-K'e ---> HuŒ Khä Hsun-tzu ---> Tuân Tº Hui-leng-Chang-Chinh ---> HuŒ Læng TrÜ©ng Hsu-T'ang ---> HÜ ñÜ©ng ---> Xuatng (C), Kido Khánh ---> Hui lang (C); Yeryo Chokei (J) (J) Hui-shi ---> HuŒ Thi Hu-Jingde ---> HÒ Kí nh ñÙc Hui-shih ---> HuŒ Thi ---> Hui shi (C) Hu-nan-Shang ---> HÒ Nam SÜÖng Hui-szu ---> HuŒ TÜ ---> Yeshi (J) Hua-T'ou ---> Hoa ñà Hui-yuan ---> HuŒ ViÍn ---> E-on (J) Huai-Jang ---> Hoài NhÜ®ng Hui-Yun ---> HuŒ Vân Huai-kan ---> Hoài CÀm Hui-an ---> HuŒ An Huai-Hai ---> Hoài Häi Hui-chi ---> HuŒ Tí ch Huai-kan ---> Hui-chiao-Langyeh ---> HuŒ Giác Lang Gia ---> Huai-nan-tzu ---> Hoài nam tº ---> Huainanzi Roya Yekaku (J) (C) Hui-chien ---> HuŒ Giän Huainanzi ---> Hoài nam tº Hui-chin-Fo-chien ---> HuŒ CÀn PhÆt Giám Huan-chu ---> HuyÍn Trø Hui-chu ---> HuŒ C¿ Huan-shan ---> Hoàn SÖn

PhÀn Hoa - ViŒt

Hui-chueh ---> HuŒ Giác Oxherding Pictures Hui-chung ---> HuŒ Trung QuÓc SÜ ---> Yechu Jui-yen ---> SÜ Nhan (J) Jui-yen-Shih-yen ---> ñoan Nham SÜ Nhan ---> Hui-hai ---> HuŒ Häi Ruiyan Shiyan (C), Zuigan Shigen (J) Hui-kai-wu-men ---> HuŒ Khai Vô Môn ---> Ju-lai-chuang-yen-chih-hui-kuang-ming-ju-i- Ekai Mumon (J) chieh-fo-ching-chieh-ching ---> NhÜ lai trang Hui-ke ---> HuŒ Khä ---> Hui-ko (C); Eka, Yeka nghiêm trí huŒ quang minh nhÆp nhÃt thi‰t PhÆt (J) cänh gi§i kinh Huike ---> HuŒ Khä Juzhi ---> Câu Chi Hui-ko ---> HuŒ Khä Kakuzen-sho ---> Giác thiŠn sao Hui-k'o ---> HuŒ Khä ---> Eka (J), Huike (C) K'an ---> Khäm Hui-kuo ---> HuŒ Quä Kan-su ---> Cam Túc Hui-lang ---> HuŒ Læng TrÜ©ng Khánh Kao-an-Tai-yu ---> Cao an ñåi Ngu Hui-lang-Yeryo-Chokei ---> HuŒ Læng TrÜ©ng Kao-feng-Yuan-miao ---> Cao Phong Nguyên Khánh DiŒu Hui-lin ---> HuŒ Lâm Kao-Tsung ---> Hui-ming ---> HuŒ Minh ---> E-myo (J) Kaofeng ---> Cao Phong DiŒu T° ---> Koho (J) Hui-nan ---> HuŒ Nam --->

Huang Po (C) ---> Ke-chin-Fo-kuo ---> Kh¡c CÀn PhÆt Quä Hoàng Bá Kedo ---> Ki‰m Çåo Hui-Neng ---> HuŒ Næng ---> Weilang (C); Eno, Keitoku-Dento-roku ---> Cänh ñÙc TruyŠn Yeno (J) ñæng Løc Hui-shang-p'u-sa-wen-ta-shan-ch'uan-ching Ken ---> CÃn ---> HuŒ ThÜ®ng bÒ tát vÃn Çải thiŒn quyŠn kinh Keze-Shenhui ---> Hà Trách ThÀn H¶i Hui-t'ang-Tsu-hsin ---> HuŒ Th¡ng T° Tâm ---> Khubilai ---> HÓt tÃt LiŒt Huitang Zixin (C), Maido Sochin (J) Ki ---> Khí Hui-tang-Tsuhsin ---> HÓi ñÜ©ng T° Tâm ---> Kwaido Soshin (J) Kiang-si ---> Giang Tây Huitang-Zixin ---> HuŒ Th¡ng T° Tâm Kiangsi-Tao-i ---> Mã t° ñåo nhÃt Hui-tsung ---> HuŒ Tông ---> Huizong Kiangsi-Tao-i-ch'an-shih-yu-lu ---> Giang Tây Hui-yuan ---> HuŒ DiÍn ---> Huiyuan (C) ñŒ NhÃt ThiŠn SÜ Ng» løc ---> Record of the Words of Ch'an Master Tao-i from Kiangsi Hung-Jen ---> Ho¢ng NhÅn Kien-Hoei ---> Kiên huŒ BÒ tát Hung-chih-Cheng-chueh ---> Ho¢ng Trí Chánh Giác Kiu-chee-Tsung ---> Câu xá tông ---> Kou-cha- shu (J) Hung-fan ---> HÒng Phåm Ko-Hung ---> Cát HÒng ---> Go Hong (C) Hung-jen ---> Ho¢ng NhÅn ---> Gunin, Konin (J) Hongren (C), Gunin (J) Kou-Ch'ien-chih ---> KhÃu Chiêm Chi ---> Kou Qianzhi (C) Husan-tsang ---> HuyŠn Trang Kou-Qianzhi ---> KhÃu Chiêm Chi I-ch'ieh-ching-yin-i ---> NhÃt thi‰t kinh âm Kouan-Yin ---> Quan Âm PhÆt nghï a I-ching ---> Kinh DÎ ch ---> Yijing (C), Yi-king (C) Ku-shan-Yuan-hsien ---> C° SÖn Nguyên HiŠn I-hsuan ---> Nghï a HuyŠn Ku-yin-Ching-ch'in ---> C° Âm TÎ nh CÀm I-shin-den-shin ---> Dï tâm truy‹n tâm Kuan-chi ---> Quán Khê Ji-Zang ---> Kuan-Hsu-k'ung-tsang-p'u-sa-hui ---> Quán HÜ Không Tång bÒ tát kinh Jie-Huan ---> Kuan-Wu-liang-shou-fo-ching ---> Quán Vô Jingde-chuadengdu ---> Cänh ñÙc TruyŠn LÜ®ng Th† PhÆt kinh ñæng Løc Kuan-Yu ---> Quan VÛ Jinggong ---> Tï nh công ---> Ching-kung (C) Kuan-yu-Wu-tang ---> Quan H»u Vô ñäng Ju-chia ---> Nho gia ---> Rujia (J) Kuang-chien-Ying ---> Quäng Giám Anh Jugyu-zu ---> ThÆp møc ngÜu ÇÒ ---> Ten

PhÀn Hoa - ViŒt

Kuang-fu-Tan-chang ---> Quäng Phúc ñàm Lao-chun ---> Lão Quân ---> T'ai-shang Lao-ChÜÖng chun (C) Kuang-tsu ---> Quang T¶ ---> Guangzi (C) Lao-tseu ---> Lão tº Kuan-hsing ---> Quan tinh ---> Star of State Lao-tzu ---> Lão Tº ---> Li Erh (C), Lao Tan (C), Officials ---> Guanxing (C) Laozi (C) Kuan-shih-yin-kuan-ching ---> Quán Th‰ Âm Laozi ---> Lão Tº quán kinh Lau-chia-chien ---> L» CÖ NghÎ ---> Lou chia Kuan-Ti ---> Quan ñ‰ chien (C) Kuan-yin ---> Quan Âm Leigong ---> Lôi công Kuei-feng-Tsung-mi ---> Khuê Phong Tôn MÆt Lei-kung ---> Lôi công ---> God of Thunder ---> ---> Keiho Shumitu (J) Leigong (C) Kuei-tsung-Chih-chieh ---> Quy Tông Chí Chi Leng-kia-King ---> Kinh Læng già Kuei-tsung-Tao-chuan ---> Quy Tông ñåo Letan-Fa-hui ---> L¥c ñàm Pháp H¶i Thuyên Letan-Huai-teng ---> L¥c ñàm Hoài TrØng Kuei-Ch'en ---> Qu‰ Thâm Letan-Wen-chun ---> L¥c ñàm Væn ChuÄn K'uei-chi ---> Khuê CÖ Li ---> Ly Kuei-feng-Tsung-mi ---> Khuê Phong Tông Li-Erh ---> Lão Tº MÆt Li-Shao-Chun ---> Lš Thi‰u Quân ---> Li Kuei-shan-Ling-yu ---> Qui SÖn Linh H¿u ---> Shaojun(C) Guishan Lingyu (C), Wei-shan Lingyu (C), Isan Li-Shaojun ---> Lš Thi‰u Quân Reiyu (J) Li-Tieguai ---> Lš Thi‰t Quài Kuei-yang-tsung ---> Qui sÖn tông ---> Igyo-shu Liang-Dynasty ---> LÜÖng triŠu (J) ---> Qui ngÜ«ng tông Liang-shan-Yuan-kuan ---> LÜÖng SÖn Duyên K'un ---> Khôn Quán K'ung-Fu-Tse ---> Kh°ng Phu Tº Liang-i --->

LÜ«ng nghi ---> Liangyi (C) Kung-Fu-Tse ---> Kh°ng Phu Tº Liangyi ---> LÜ«ng nghi Kung-ku-Ching-lung ---> Không CÓc Cänh Li-chi ---> LÍ kš ---> Book of Rites Long Lieh-tsu ---> LiŒt Tº ---> Liezi (C), Lie-tseu (C) Kung-Sun-lung ---> Công Tôn Long ---> Gong Lieh-tzu ---> LiŒt Tº Sunlong (C) Lie-tseu ---> LiŒt Tº Kung-an ---> Công án Liezi ---> LiŒt Tº K'ung-ch'ueh-wang-chou-ching ---> Kh°ng Lin-chi ---> Lâm T‰ ---> Rinzai (J) tÜ§c vÜÖng chú kinh Linchi-I-hsuan ---> Lâm T‰ Nghï a HuyŠn ---> K'ung-tzu ---> Kh°ng Tº ---> K'ung-fu-tzu (C), Rinzai Gigen (J) Confucius Lin-chi-I-hsuan ---> Lâm T‰ Nghï a HuyŠn ---> K'un-lun ---> Côn luân Rinzai Gigen (J) Kuoan ---> Quách Ma ---> Kakuan (J) Lin-chi-tsung ---> Lâm T‰ tông ---> Rinzai shu Kuo-ch'ing-Temple ---> (J) Kuo-seng-chuan ---> Cao tæng truyŒn Lin-chi-lu ---> Lâm T‰ løc ---> Rinzai-roku (J) Kurodani ---> Ling-chuan-Yuan ---> Linh TuyŠn ViŒn Kwanro-ku ---> Khuy‰n L¥c Ling-shu-Ju-men ---> Linh Th† NhÜ MÅn Kyozan-shü ---> NgÜ«ng sÖn tông Ling-tao ---> Linh Thao Lan-Ts'ai-ko ---> Lam Thái Hòa ---> Lan Caihe Ling-yuan ---> Linh Nguyên (C) Lingbao-Jing ---> Linh Bäo Kinh Lang-hu-shan ---> Long h‡ sÖn Ling-Pao-ching ---> Linh Bäo Kinh ---> Lingbao Lao-Tan ---> Lão ñam Jing (C) Lao-Tse ---> Ling-pao-pai ---> Linh bäo Çåo Lao-Yang ---> Lắc dÜÖng Ling-pao-T'ien-tsun ---> Linh Bäo Thiên Tôn

PhÀn Hoa - ViŒt

Lingyun ---> Linh vân Chí CÀn ---> Reiun (J) Lun-yu ---> LuÆn Ng» Linh-yun ---> Linh Vân Luohan-Guichen ---> La Hán Qu‰ Thâm Lishan ---> LÜ SÖn ---> Risan (J) Lu-shan ---> LÜ sÖn Li-tai-san-pao-chi ---> LÎ ch Çåi tam bäo kš Lu-shih-ch'un-ch'iu ---> Lã ThÎ Xuân Thu Li-T'ieh-Kuai ---> Lš Thi‰t Quài ---> Li Lu-Tsung ---> LuÆt Tông ---> Ritsou-shu (J) Tieguai(C) Luxing ---> L¶c tinh Liu-Deren ---> LÜu Tº Sän Luzong ---> LuÆt Tông Liu-Hai-shan ---> LÜu Häi SÖn Ma-to-lo-hsien ---> Mån Çà la tiên Liu-Ling ---> LÜu Linh Mangsiang ---> Månh TÜ©ng Liu-Te-jen ---> LÜu Tº Sän ---> Liu Deren (C) Mao-shan-p'ai ---> Mao SÖn phái Liu-T'ieh-mo ---> LÜu Thi‰t Ma ---> Liu Tiemo Ma-tsu ---> Mã T° (C), Tyu Tetsuma (J) Ma-tsu-Tao-i ---> Mã t° ñåo nhÃt ---> Mazi Liu-Tiemo ---> LÜu Thi‰t Ma Daoyi (J), Baso Doitsu, Kiangsi Tao-i, Chiang- Liu-Tsung-yuan ---> LiÍu Tôn Nguyên hsi Tao-i Liu-tsu-Ta-shin ---> Løc t° ñåi sÜ ---> Sixth Mayoku-Hátetsu ---> Ma CÓc Bäo TriŒt Patriarch, Great Master ---> Liuzidashi(C), Mei-tzeu ---> M¥c tº Rokuso Daishi (J) Mencius ---> Månh tº Liuzidashi ---> Løc t° ñåi sÜ Meng-K'o ---> Månh Tº Lo-han-Kuei-Ch'en ---> La Hán Qu‰ Thâm ---> Meng-tseu ---> Månh Tº Luohan Guichen (C), Rakan Keijin (J) Meng-tzu ---> Månh Tº ---> Mencius (C), Lo-han-Tao-hsien ---> La-hán ñåo-hiŠn ---> Mengzi (C), Meng-tseu (C), Meng K'o (C) Rakan Dokan (J) Mengzi ---> Månh Tº Longtan-Chongzin ---> Long ñàm Sùng Tí n Miao-his ---> DiŒu HÌ Longya ---> Long Nha Miao-fa-lien-hua-thing ---> DiŒu pháp liên hoa Loshan ---> La SÖn kinh Lo-shu ---> Lắc thÜ ---> Digram from the River Lo Milarepa ---> Milarepa ---> Mi-la-ras-pa (T) Lou-chia-chien ---> L» CÖ NghÎ Milei ---> Di l¥c PhÆt Lo-yang ---> Lắc DÜÖng Ming-chiao ---> Minh Giác Lu ---> L‡ quÓc Ming-ti ---> Minh ñ‰ Lu-Buwei ---> Lã BÃt Vi Ming-chao ---> Minh Chiêu ---> Mingzhao (C), Lu-Ch'un-yang ---> Lã ThuÀn DÜÖng Meisho (J) Lu-Pu-wei ---> Lã BÃt Vi ---> Lu Buwei (C) Ming-chou ---> Minh Châu Lu-tso ---> L‡ T° Ming-tse ---> Minh T¡c Lu-tsung ---> LuÆt Tông ---> Luzong (C) Mingzhao ---> Minh Chiêu Lu-hsing ---> L¶c tinh ---> Star of Prosperity ---> Mo-Tseu --->

M¥c Tº Luxing (C) Mo-chia ---> M¥c gia ---> Mohism Lung-tan-Ch'ung-hsin ---> Long ñàm Sùng Tí n Mo-ti ---> M¥c Tº ---> M¥c ñÎ ch ---> Lung tan Shung hsin (C), Ryutan Shoshin Mo-tzu ---> M¥c Tº (J) Lung-t'an-Ch'ung-hsin ---> Long ñàm Sùng Mou-chou-Tao-ming ---> Møc Châu ñåo Minh Tí n ---> Mu-chou Ch'en-tsun-su (C) Lung-ya-Chu-tun ---> Long Nha CÜ TuÀn Mu-Chi ---> Møc Khê ---> Bokitsu (J) Lung-men ---> Long môn Mu-chou-Tao-ming ---> Møc Châu ñåo Minh -- Lung-t'an-Ch'ung-hsin ---> Long ñàm Sùng -> Muzhou Daoming (C), Bokushu Domei (J) Tí n ---> Longtan Chongzin (C), Ryutan Sochin Mu-chou-Tao-Tsung ---> Møc Châu TrÀn Tôn (J) Túc Lung-tan-Shung-hsin ---> Long ñàm Sùng Tí n Na-mo-o-mi-t'o-fo ---> Nam mô A di Çà PhÆt Lung-ya ---> Long Nha ---> Longya (C), Ryuge Nan-tai-Ch'in ---> Nam ñåi CÀn (J)

PhÀn Hoa - ViŒt

Nan-yuan-Hui-Yung ---> Nam ViŒn HuŒ Ngung Pai-lien-tsung ---> Båch Liên Tông ---> School of ---> Nanin Egyo (J) White Lotus ---> Bailianzong (C) Nan-ch'uan-P'u-yuan ---> Nam TuyŠn Ph° Pai-ma-ssu ---> Båch Mã t¿ ---> Baimasi (C) NguyŒn ---> Nanquan Puyuan (C), Nansen Pai-yun ---> Båch Vân Fugan (J) Pai-yun-kuan ---> Båch Vân quán ---> Baiyun Nan-Fa-Hien ---> An Pháp HiŠn quan (C) Nan-hua-chen-ching ---> Nam hoa chÖn kinh Pai-yun-Shou-tuan ---> Båch Vân Thû ñoan --- Nan-hua-Chen-jen ---> Nam Hoa Chân nhân > Baiyun Shouduan (C), Hakuun Shutan (J) Nanquan-Puyuan ---> Nam TuyŠn Ph° NguyŒn Pa-kua ---> Bát quái ---> Eight trigrams Nan-t'a-Kuang-jun ---> Nam Tháp Quang DÛng Pa-ling-Hao-chien ---> Ba Læng Häo Ki‰m ---> ---> Nanta Guangrun (J), Nanto Koyu (J), Baling Haojian (C), Haryo Kokan (J) Nanto Koan (J) P'ang-chu-shih ---> Long CÜ Sï ---> Bàng Uän Nan-t'a-Kuang-yun ---> Nam Tháp Quang P'ang-chu-chih-yu-lu ---> Bàng UÄn cÜ sï ng» DÛng ---> Nanto Koyu (J) løc Nan-yang-Hui-chung ---> Nam DÜÖng HuŒ Pangjushi ---> Long CÜ Sï ---> Bàng Uän trung ---> Nanyang Huizhong (C), Nan'yo Pangyun ---> Bàng UÄn ---> P'ang yun (C); Echu (J) Hokoji (J), P'ang-chu shih (C), Pangjushi (C) Nanyang-Huizhong ---> Nam DÜÖng HuŒ trung P'an-ku ---> Bàn C° ---> Pangu (C) Nanyuan-Huiyong ---> Nam ViŒn HuŒ Ngung Panshan-Baoji ---> Bàn sÖn bäo tí ch Nan-Yuan-Hui-yung ---> Nam ViŒn HuŒ Ngung P'an-shan-pao-chi ---> Bàn sÖn bäo tí ch ---> ---> Nan'in Egyo (J), Nanyuan Huiyong (C) Panshan Baoji (C), Banzan Hoshaku (J) Nanyueh-Huai-jang ---> Nam TuyŠn Hoài Pao-ch'an-P'u ---> Bao ThiŠn Ph° NhÜ®ng ---> Nangaku Ejo (J) Pao-hua-yuan ---> Bäo Hoa NguyŒn Naropa ---> Naropa Pao-Ming-Tao-cheng ---> Bäo Minh ñåo Thành Nei-kung ---> N¶i công ---> Inner exercise Pao-neng-Jen-yang ---> Bäo Ninh Nhân DÛng Nei-tan ---> N¶i Çan ---> Inner Alchemy Paochi ---> Bºu Chí ---> Hoshi (J), Pao-chih (C) Niehpan ---> Ni‰t Bàn ---> Hyakujo Isei, Pao-chih ---> Bäo Chí Nehan (J) Pao-feng--K'o-wen ---> ñâu Phong Kh¡c Vân -- Niu-Tu-Chan ---> NgÜu ñÀu ThiŠn ---> -> Hobo Kokumon (J) Gozuzen (J) Pao-fu ---> Bäo PhÜ§c Niu-t'ou-tsung ---> NgÜu ÇÀu tông ---> Gozu Pao-fu-Ts'ung-chan ---> Bäo PhÜ§c Tòng Tri‹n shu (J) ---> Baofu Congzhan (C), Hofufu Juten (J) Nu-kua ---> N» Oa Paolin ---> Bºu Lâm Pa-chia-Huiching ---> Ba Tiêu HuŒ Thanh ---> Paolin-monastery ---> Bäo Lâm tu viŒn BashoYesei (J) Pao-lin-ssu ---> Bäo Lâm t¿ ---> Baolinsi (C), Pa-chiao-Hui-ch'ing ---> Ba Tiêu HuŒ Thanh --- Horin-ji (J) > Bajiao Huiqing (C), Basho Esai (J) Pao-p'u-tzu ---> Bão Phúc Tº Pa-hsien ---> Bát tiên --->

Eight immortals Pao-p'u-tzu ---> Bäo Phác Tº ---> Baopuzi (C) Pai-chang-Huai-hai ---> Bách TrÜ®ng Hoài Häi Paotzu-Wenchin ---> Báo TØ Væn Khâm ---> ---> Hyakujo Ekai (J) Hoji Bunkin (J) Pai-chang-Weicheng ---> Bách TrÜ®ng Duy Pa-tuan-chin ---> Bát Toàn kinh ---> Eight Chánh Elegant exercises ---> Baduajin (C) Pai-yun-Shou-tuan ---> Båch Vân Thû ñoan P'ei-Hsiu ---> Bùi HÜu Pai-chang-Ch'ing-kuei ---> Bách TrÜ®ng Thanh Pei-yuan-Tung ---> B¡c ViŒn Thông Quy ---> Baizhangqiunggui (C), Hyakujo Shingi (J) Peihsiu ---> Bùi HÜu ---> Haikyu (J) Pai-chang-Huai-hai ---> Bách TrÜ®ng Hoài Häi Pei-tsung-ch'an ---> ThiŠn B¡c tông ---> Hyakujo Ekai (J) P'eng-lai ---> BÒng lai Peng-tzu ---> Bành T° ---> Pengzi C)

PhÀn Hoa - ViŒt

Pi-hsia-Yuan-chun ---> Bí ch Hà Nguyên Quân - San-lunn-tsung ---> Tam luÆn tông ---> --> Bixia yuanjun (C) Sanronshu (J) ---> Tam b°n cæn Pi-yen-lu ---> Bí ch nham løc ---> Blue-green Cliff Sanqing ---> Tam thanh Records ---> Hekigan-roku (J), Biyanlu (C), San-sheng-Hui-jan ---> Tam Thánh HuŒ Nhiên - Hekiganshu (J) --> Sansheng Huiran (C), Sansho Enen (J) Po-tsao-to ---> Phá Táo ñ†a Sansheng-Huiran ---> Tam Thánh HuŒ Nhiên Po-ting-tsun-sheng-t'o-lo-ni-ching ---> PhÆt San-tsang ---> HuyŠn Trang thuy‰t tôn th¡ng Çà ra ni kinh Sa-skya-pa ---> Sakyapa Pou-tai ---> BÓ ñåi Seng-tsan ---> Tæng Xán ---> Sosan (J) Pratiñöhita-nirväëa ---> H»u dÜ ni‰t bän Sengcan ---> Tæng Xán Pu-chao ---> Ph° Chi‰u Seng-chao ---> Tæng TriŒu ---> Shengzhao (C) P'u-hsien ---> Ph° hiŠn BÒ tát Seng-chia-che-ching ---> Tæng già tra kinh P'u-hua ---> Ph° Hóa ---> Puhua (C), P'u-k'o (C) Seng-han ---> Tæng Hàm P'u-hua-ch'an ---> Ph° Hóa tông Seng-t'san ---> T° Tæng xán ---> Sengcan (C), P'u-hua-tsung ---> Ph° Hóa tông ---> P'u-hua Sosan (J) ch'an (C), Puhuachan (C), Fuke-shu (J) Seng-tsang ---> Tæng Xán Puhuachan ---> Ph° Hóa tông Sentsang ---> HuyŠn Trang Puke-School ---> Ph° Hóa phái Sha-lo-pa ---> Sa La Ba P'u-k'o ---> Ph° Hóa Shan-tao ---> ThiŒn ñåo Pu-k'ung-p'o-so-shen-pien-chen-yen-ching --Shang-Dynasty ---> ThÜÖng triŠu -> BÃt không quy‰n sách thÀn bi‰n chÖn ngôn Shan-tao ---> ThiŒn ñåo kinh Shantung ---> SÖn Çông Pu-ming-p'u-sa-hui ---> Ph° minh BÒ tát h¶i Shao-lin ---> Thi‰u Lâm Pu-pi-ting-ju-ting-ju-yin-ching ---> BÃt tÃt ÇÎ nh Shao-lin-ssu ---> Thi‰u Lâm t¿ ---> Shorin-ji (J), nhÆp ÇÎ nh nhÆp Ãn kinh Shaolinsi (C) P'u-so-tsang ---> BÒ tát tång Shaolinsi ---> Thi‰u Lâm t¿ Pu-tai ---> BÓ ñåi ---> Budai (C), Pou-tai (C), Hotei (J) Shaolinszu ---> Chùa Thi‰u Lâm P'u-t'o-shan ---> Ph° ñà sÖn ---> Putoshan (C) Shao-luan ---> ThiŒu Loan Putoshan ---> Ph° ñà sÖn Shen ---> ThÀn ---> Spirit Qigong ---> Khí công ---> Ch'i-kung (C) Shen-hsiu ---> ThÀn Tú Qin-Shufao ---> TÀn Thúc Bäo Shen-hui ---> ThÀn H¶i Qingyuan-Xingsi ---> Thanh Nguyên Hành TÜ Sheng-t'ai ---> Thánh thai ---> Holy emryo Qinshan-Wensui ---> Khâm sÖn Væn Thúy Shengg-Chou-Chi ---> Thánh Trø Chí Rdzogs-chen ---> ñåi thành t¿u Sheng-mu ---> Thánh MÅu ---> Holy Mother Rinzai-shü ---> Lâm T‰ tông Shengzhao ---> Tæng TriŒu Ruiyan-Shiyan ---> ñoan Nham SÜ Nhan Shen-Hsiu ---> ThÀn Tú ---> Shenxiu (C), Jinshu (J) Rujia ---> Nho gia Shenxiu ---> ThÀn Tú San-sheng-Hui-jen ---> Tam Thánh HuŒ Nhiên - Shi-ching ---> Kinh Thi ---> Book of Songs --> Sansho Yenen (J) Shih-fan ---> Thåch Khanh San-chieh-p'ai ---> Tam Th‰ phái ---> San-chieh chiao Shih-kung ---> Thåch Cung San-ch'ing ---> Tam thanh ---> Three Pure Ones - Shih-men-Tsung ---> Thåch

Môn Thông --> Sanqing (C) Shih-shuang-Hsing-k'ung ---> Thảch SÜÖng San-huang ---> Tam Hoàng ---> Sanhuang (C) Tánh Không San-kuan ---> Tam quan Shih-tien-Fa-hsun ---> Thảch ñiŠn Pháp Huân San-lun ---> Tam LuÆn phái Shih-tou-Hsi-hsien ---> Thảch ñÀu Hi Thiên --- > Sekito Kisen (J) San-lun-School ---> Tam LuÆn tông

PhÀn Hoa - ViŒt

Shih-wu-Ching-hung ---> Thảch –c Thanh Sung-dynasty ---> TÓng triŠu Hòng Sung-wen-ming ---> TÓng Væn Minh ---> Song Shih-huang-Ch'u-yuan ---> Thảch SÜÖng Sª Wenming Viên ---> Sekiso Soen (J) Sung-shan ---> Tung SÖn ---> Songshan (C), Shih-i ---> ThÆp D¿c ---> Ten Wings Suzan (J) Shih-shuang-Ch'ing-chu ---> Thảch SÜÖng Su-tsung ---> Túc Tông hoàng Ç‰ ---> Suzong (C) Khánh ChÜ ---> Sekiso Keisho (J) Suzong ---> Túc Tông hoàng Ç‰ Shih-shuang-Ch'u-yuan ---> Thảch SÜÖng Sª Duyên ---> Shishuang Chuyuan (C), Sekiso Szechwan ---> TÙ Xuyên Soen (J), Ch'i-ming (C) Ta-kuan ---> ñåt Quán Shih-t'ou ---> Thảch ñÀu Ta-ch'eng-fang-pien-hui ---> ñåi thØa phÜÖng Shih-yen ---> SÜ Nhan ---> Jui-yen (C); Zuigan, tiŒn h¶i Shigen (J) Ta-cheng-pen-sheng-hsin-ti-kuan-ching ---> Shika ---> Tri khách ---> Long poem ñåi thØa b°n hånh tâm ÇÎ a quán kinh Shin ---> Tông ---> (J) Mind (C) School ---> (J) Ta-cheng-p'u-sa-tsang-cheng-fa-ching ---> ñåi thØa bÒ tát tång chánh pháp kinh Tâm (C) Tông Ta-chi-p'i-yu-wang-ching ---> ñåi tÆp thí dø Shishuang-Chuyuan ---> Thảch SÜÖng Sª vÜÖng kinh Duyên Ta-chi-Ta-hsu-k'ung-tsang-p'u-sa-so-wen- Shodá ---> ThÜ Çåo ---> Way of writing ching ---> ñåi tÆp Çåi hÜ không tång bÒ tát sª Sho-kua ---> Thuy‰t Quái ---> Discussion of the vÃn kinh Trigrams Ta-chih-tu-lun ---> ñåi trí Ç¶ luÆn ShouAn ---> Thû An ---> Shuan (J) Ta-chi-hui-cheng-fa-ching ---> ñåi tÆp hi chánh Shou-hsing ---> Th† tinh ---> Star of Long Life --- pháp kinh > Shouxing (C) Ta-chuan ---> Tä truyŒn Shou-leng-yen-san-mei-ching ---> Thû læng Ta-fang-kuang-fo-hua-yen-ching ---> ñåi nghiêm tam mu¶i kinh phÜÖng quäng PhÆt hoa nghiêm kinh Shou-shan-Hsing-nien ---> Thû SÖn TÌ nh NiŒm Ta-fang-kuang-tsung-t-'ai-pao-kuang-ming- Shoushan-Shengnian ---> Thû SÖn TÌ nh NiŒm ching ---> ñåi phÜÖng quang t°ng trì bäo Shou-shan-Sheng-nien ---> Thû SÖn TÌ nh NiŒm quang minh kinh ---> Shuzan Shonen (J), Shoushan Shengnian Ta-fang-teng-ta-chi-ching ---> ñåi phÜÖng (C), Shou-shan Hsing-nien (C) Ç£ng ñåi tÆp kinh Shouxing ---> Th† tinh Ta-fo-ting-ju-lai-mi-yin-hsiu-teng-liao-i-che- Çri ---> ñÙc ---> Venerable one ---> ñÃng p'u-sa-wan-hsing-shou-leng-yen-ch ing ---> Shu-ching ---> Kinh ThÜ ---> Book of Writing ñåi phÆt Çänh nhÜ lai mÆt nhân tu chÙng liÍu Sima-Qian ---> TÜ Mã Thiên ---> Ssu-ma Ch'ien nghï a chÜ bÒ tát vån hånh thû læng nghiêm kinh (C) Ta-hsueh ---> ñåi h†c ---> Great Teaching Song-Yun ---> TÓng Vân Ta-hui-Tsung-kao ---> ñåi TuŒ Tông Cäo ---> Songshan ---> Tung SÖn Daie Soko (J), Dahui Zonggao (C) Song-yun ---> TÓng Vân ñåi sÜ Tai-An ---> ñåi An Ssu-chu ---> TÙ thÜ ---> Four books Tai-Hui ---> ñåi HuŒ Ssu-hsiang ---> TÙ tÜ®ng ---> Four images Tai-Hui-Tsung-kao ---> ñåi HuŒ Tông Cäo ---> Ssu-i-fan-t'ien-so-wen-ching ---> TÜ ´ ch phåm Daiye Soko (J) thiên sª vÃn kinh Tai-sui ---> ñåi Tùy ---> Daizui (J) Ssu-ma-Ch'ie ---> TÜ Mã Thiên Tai-yu-Shou-chih ---> ñåi Ngu Thû Chi Su-Tung-Po ---> Tô ñông Pha ---> Sotoba (J) Tai-yuan-Pu ---> Thái Nguyên Phu Sui-Dynasty ---> Tuÿ triŠu T'aichi ---> Thái C¿c --->

Supreme Ultimate Sun ---> TÓn Energy Sun-Ching-feng ---> Tôn Cänh Phong T'ai-chi-t'u ---> Thái c¿c ÇÒ

PhÀn Hoa - ViŒt

T'ai-hsu ---> Thái HÜ ---> Taixu (C) Daoxuan Lushi (C), Dosen Risshi (J) T'ai-ping-tao ---> Thái Bì nh Çảo Taohusan ---> ñảo Tuyên T'ai-shan ---> Thái sÖn ---> Mount T'ai Tao-sheng ---> ñảo Sinh ---> Daosheng (C) Taishan-Niangniang ---> Thái SÖn NÜÖng Taoshin ---> ñảo Tí n ---> Doshin (J) NÜÖng Tao-suan ---> ñảo Tuyên ---> Nam sÖn Çải sÜ T'ai-shan-Niang-niang ---> Thái SÖn NÜÖng Tao-te-ching ---> ñảo ÇÙc kinh NÜÖng ---> Taishan Niangniang (C) Taou-Yinchi ---> ñảo Ng¶ Viên Trí ---> Dogo T'ai-shang-Lao-chun ---> Thái ThÜ®ng Lão Enchi (J), Tao-wo Yuan-chih (C), Tao-wu Quân Yuan-chih (C) Tai-tsung ---> Thái Tông hoàng Ç‰ ---> Daizong Tao-wo-Yuan-chih ---> ñảo Ng¶ Viên Trí (C) Tao-wu-Yuan-chih ---> ñảo Ng¶Viên Trí ---> Taixu ---> Thái HÜ Dogo Enchi (J), Tao-wo Yuan-chih (C), Daowu Ta-kuang-Chu-hui ---> ñải Quang ChÜ HuŒ ---> Yuanzhi (C) Ta-kuang Chu-tun (C), Daiko Koke (J) Taoyu ---> ñảo Døc ---> Doiku (J) Ta-kuang-Chu-tun ---> ñải Quang ChÜ HuŒ Ta-sui-Fa-chen ---> ñải Tuÿ Pháp Chân ---> Tali ---> ñải L¿c Çải sÜ Dasui Fazhen (C), Taizui Hoshin (J) Tamai-Fa-cheng ---> ñải Mai Pháp ThÜ©ng Ta-tien-Pao-tung ---> ñåt Thiên Bäo ñ¶ng ---> Ta-mei-Fa-ch'ang ---> ñải Mai Pháp ThÜ©ng --- Daiten Hotsu (J) ---> ñải ñiên Bäo Thông > Damei Fachang (C), Daibai Hojo (J) Ta-tung-Chen-ching ---> ñải ñ¶ng chân kinh --- Tan-jan ---> Thän Nhiên > True Book of Great Secret ---> Dadong Tan-luan ---> ñàm Loan Zhenjing (C) Tan-Yuan ---> ñàm Nguyên Ta-yu ---> ñải VÛ T'ang-Dynasty ---> ñÜ©ng triŠu Tch'ang-nan ---> TrÜ©ng an T'ang-seng ---> HuyŠn Trang Tch'an-tsung-Tchou-chou ---> ThiŠn tông trÙ Tan-hsia-T'ien-jan ---> ñÖn Hà Thiên Nhiên --- thuÆt > Tanka Tennen (J), Danxia Tianran (C) Tch'eng-cheu-Tsung ---> Thành thÆt tông T'an-luan ---> Tchenn-yen-Tsung ---> ChÖn ngôn Tông Tao ---> ñảo ---> Way Tchenn-yen-tsung ---> ChÖn ngôn tông Tao-An ---> ñảo An ---> Daoan (C) Tcheu-K'ai ---> Trí Khäi ---> Thiên Thai Trí giä T'ao-Ch'ien ---> ñào TiŠm ---> T'ao Yuan- Tcheu-Kai ---> Trí Khäi ñải sÜ ming (C) Tcheu-K'ien ---> Chi Khiêm Tao-chien ---> ñảo TiŠm Tchouang-Tseu ---> Trang Tº Tao-cho ---> ñảo XÜ§c Te ---> Tao-Hongjing ---> ñào Ho¢ng Cänh Teh-Shao ---> ñÙc ThiŠu ---> Tokusho (J) T'ao-Hung-ching ---> ñào Ho¢ng Cänh ---> Teh-shan-Hsuan-chien ---> ñÙc SÖn Tuyên Tao Hongjing (C) Giám ---> Tokusan Senkan (J) Tao-T'ai ---> Thí ch ñảo Thái Teh-shan-Mi ---> ñÙc SÖn Mæt Tao-Te-King ---> ñảo ÇÙc Kinh Tendai-School ---> Thiên Çài tông Tao-Teh-Ching ---> ñảo ÇÙc kinh Teng-Yin-feng ---> ñ¥ng fn Phong Tao-yuan ---> ñảo Nguyên ---> ñảo Viên Teng-yiu-feng ---> ñ¥ng An Phong ---> To T'ao-Yuan-ming ---> ñào Uyên Minh ---> T'ao Impo (J) Ch'ien(C) Te-shan-Hsuan-chieh ---> ñÙc sÖn Tuyên giám Tao-chia ---> ñảo gia ---> Taoism ---> Tokusan Senkan (J), Deshan Xuanjian (C) Tao-chun ---> ñảo quân TianhuangDaowu ---> Thiên Hoàng ñảo Ng¶ Tao-hsin ---> T° ñảo Tí n ---> Doshin (J), Tianping ---> Thiên Bì nh Daoxin (C) Tich-tsui-Chiao ---> Thi‰t chûy giác ---> Tao-hsuan ---> ñảo Tuyên ---> Daoxuan (C) Tesshikaku (J) Tao-hsuan-Lu-shih ---> ñảo Tuyên LuÆt SÜ ---> T'ien ---> Thiên

PhÀn Hoa - ViŒt

Tien-chi-Shui ---> Thiên Kỳ Thøy Tsu-chin ---> T° Khâm Tien-chu-Chung-hui ---> Thiên Trø Sùng HuŒ Tsui-wei-Wu-hsiao ---> Thúy Vi Vô H†c ---> Tien-huang-Tao-wu ---> Thiên Hoàng ñåo Ng¶ Suibi Mugaku (J) ---> Tenno Dogo (J) Ts'ui-wei-Wu-hsueh ---> Thúy Vi Vô H†c Tien-i-Hui-tsung ---> Thiên Y HuŒ Thông Ts'ui-yen ---> Thúy Nham Tien-ju-Wei-tse ---> Thiên NhÜ Duy T¡c Ts'ui-yen-Ling-ts'an ---> Thúy Nham Linh Tien-lung ---> Thiên Long ---> Tenryu (J) Nham ---> Cuiyan Lingcan (C) Suigan Reisan (J) Tien-mu-Man ---> Thiên Møc Mãn Tsung-Chih ---> T°ng Trì Tien-ning ---> Thiên Ninh T¿ Ts'ung-jung-lu ---> ñÒng chûng løc ---> Shoyo- Tien-shan-Chiung ---> Tuy‰t SÖn Quÿnh roku (J), Congronglu (C) Tien-tai-tsung ---> Thiên Çài tông ---> Tendai- Tsung-ling-shan ---> Thông Lï nh sÖn shu (J) Tsung-mi ---> Tông MÆt ---> Zongmi (C) T'ien-huang-Tao-wu ---> Thiên Hoàng ñåo Tsun-sheng-p'u-sa-so-wen-i-ch'ieh-chu-fa-ju- Ng¶ ---> Ten'o Dogo (J), TianhuangDaowu (C) wu-liang-men-t'o-lo-ni-ching ---> Tôn Th¡ng T'ien-P'ing ---> Thiên Bì nh ---> Tianping (C), bÒ tát sª vÃn nhÃt thi‰t chÜ pháp nhÆp vô lÜ®ng Tempyo (J) môn Çà ra ni kinh T'ien-t'ai ---> Thiên thai tông Tuan-chuan ---> Thoán truyŒn ---> Commentary T'ien-T'ai-Te-shao ---> Thiên Thai ñÙc ThiŠu -- on the Decision -> Tendai Tokusho (J) Tui ---> ñoài T'ien-t'ai-Tsung ---> Thiên Thai Tông Tui-keng ---> ThÓi Canh Ti-lun-p'ai ---> ñÎ a luÆn phái ---> Dilun (C) Tui-yin ---> ThÓi ...n Ting-shang-tso ---> ñÎ nh ThÜ®ng T†a ---> Ding T'ung-Chung-shü ---> ñ°ng Tr†ng ThÜ Shangzuo (C), Jo Joza (J) Tung-kung ---> ñ¶ng công Tong-Zongshu ---> ñ°ng Tr†ng ThÜ Tung-shan ---> ñông sÖn Tou-choun ---> ñ° ThuÆn Tung-shan-yang ---> ñ¶ng SÖn Vinh Touchun ---> ñ‡ ThuÆn Tung-szu-Ju-hui ---> ñ¶ng T¿ NhÜ H¶i Touen-huang ---> ñôn Hoàng Tung-Wang-kung ---> ñông VÜÖng Công Toung-cheou ---> ñÒng Th† T'ung-Chung-shu ---> ñ°ng Tr†ng ThÜ ---> Tou-shuai-Ts'ung-yueh ---> ñâu SuÃt Tùng Tong Zongshu (C) DuyŒt ---> Doushuai Conggyue (C), Tosotsu Tung-shan-Liang-chieh ---> ñ¶ng SÖn LÜÖng Juetsu (J) Gi§i ---> Dongshan Liangjie (C), Tozan Ryokai T'ou-tzu-Ta-t'ung ---> ñÀu Tº ñåi ñÒng ---> (J) Touzi Datung (C), Tosu Daido (J) Tung-shan-Shou-chu ---> ñ¶ng SÖn Thû SÖ --- Touzi-Datung ---> ñÀu Tº ñåi ñÒng > Dongshan Shouzhu (C), Tosan Shusho (J) Tsa-kua ---> Tåp quái ---> Miscelaneous Notes Tun-huang ---> ñôn Hoàng ---> Dunhuang (C), Tsao-chi ---> Tào Khê Touen-huang (C) Ts'ao-Kuo-chiu ---> Tào QuÓc Cºu ---> Cao Tu-shun ---> ñ‡ ThuÃn ---> ñ‡ ThuÆn Guojiu (C) Tutanzhai ---> ñÒ thán trai Tsao-shan-Pen-Chi ---> Tào SÖn B°n TÎ ch ---> Tzu-fu ---> TØ PhÜ§c ---> Shifuku (J) Sozan Honjaku (J) Tzu-Hsuan ---> TØ HuyŠn ---> Chosui (J) Ts'ao-Tung ---> Tào ñ¶ng ---> Soto (J) Tzu-Ming ---> TØ Minh ---> Jimyo (J) Ts'ao-ch'i ---> Tào Khê Tzuhu ---> Tº H° ---> Shiko (J) Ts'ao-shan-Pen-chi ---> Tào SÖn Bän TÎ ch ---> Tzu-hu-Li-tsung ---> Tº HÒ Lš Tông ---> Zihu Caoshan Benji (C), Sozan Honaku (J) Lizong (C), Shiko Risho (J) Ts'ao-tung-tsung ---> Tào ñ¶ng tông ---> Soto- Vaishnava ---> Môn ÇÒ Tÿ n»u thiên ---> Follower shu (J) of Vishnavism Ts'ao-Wei-dynasty ---> Tào Ngøy triŠu Wai-kung ---> Ngoåi công ---> Outer exercise Tsou-yen ---> Trâu DiÍn ---> Zou Yan (C) Wai-tan ---> Ngoåi Çan phái ---> School of Outer

PhÀn Hoa - ViŒt

Elexir Wutaishan ---> NgÛ ñài sÖn Wan-shou-Chung-kuan ---> Vån Th† Sùng Wu-tou-mi-tao ---> NgÛ ÇÃu mÍ Çåo Quán Wu-tse-t'ien ---> Võ T¡c Thiên

Wang-Ch'un-yang ---> VÜÖng Trùnng DÜÖng Wu-tsu-Fa-yen ---> NgÛ t° Pháp DiÍn ---> Goso Wang-Hsiao-yang ---> VÜÖng Thi‰u DÜÖng Hoen (J), Wuzu Fayan (C) Wang-pi ---> VÜÖng BÆt Wu-tzu-pao-ch'ieh-ching ---> Vô t¿ bäo khi‰p Wei-Dynasty ---> Ngøy triŠu kinh Wei-P'o-yang ---> Vi Phác DÜÖng Wuzhun-Shifan ---> Vô ChuÄn SÜ Phåm Wei-shan-Ling-yu ---> Quy SÖn Linh H¿u ---> Wuzhuo ---> Vô TrÜ§c Isan Reiyu (J) Wuzu-Fayan ---> NgÛ t° Pháp DiÍn Wei-yang ---> Quy NgÜ«ng tông Xi-Kang ---> Kê Khang Wei-lai-hsing-hsiu-chieh-ch'ien-fo-ming- Xianglin-Chengyuan ---> HÜÖng Lâm TrØng ching ---> VÎ lai Tinh Tú ki‰p thiên PhÆt danh ViÍn kinh Xiantian ---> Tiên thiên Weilang ---> HuŒ Næng Xinghua-Congjiang ---> HÜng Hóa TÒn Trang Wei-mo-chieh-so-shuo-ching ---> Duy Ma CÆt Xingyang-Qingrang ---> HÜng DÜÖng Thanh sª thuy‰t kinh NhÜ®ng Wei-shan-Lingyu ---> Qui SÖn Linh H¿u Xiyuan-Siming ---> Tây ViŒn TÜ Minh Wen-Wang ---> Væn vÜÖng Xuanzang ---> HuyŠn Trang Wen-ch'ang ---> Væn XÜÖng ---> Wenchang (C) Xuanzong ---> HuyŠn tông Wenchang ---> Væn XÜÖng Xuedou-Chongxian ---> Tuy‰t ñÆu TrØng Hi‹n Wen-shu-shih-li-so-shuo-pan-jo-t'o-lo-mi- Xuefeng-Yicun ---> Tuy‰t Phong Nghï a TÒn ching ---> Væn Thù SÜ L®i sª thuy‰t bát nhã ba Yan-chi-Fang-hui ---> DÜÖng Kÿ PhÜÖng H¶i --- la mÆt kinh > Yogi Hoe (J) Wen-yen ---> Væn ngôn ---> Commentary on the Yang ---> DÜÖng ---> Positive Words of the Text Yang-ming-Yen-shou ---> Vï nh Minh Diên Th† Wou-tou-mi-tao ---> Ng» ÇÃu mÍ Çåo ---> Five Yang-Shan ---> NgÜ«ng SÖn Pecks of Rice School Yang-Shan-Hui-Chi ---> NgÜ«ng SÖn HuŒ TÎ ch Wu-Ch-eng-en ---> Ngô ThØa Ân ---> Kyozan Ejaku (J) Wu-chou-Shih-fan ---> Ngô Châu Thåch Khanh Yang-shan-Yung ---> NgÜ«ng SÖn DÛng Wu-Jiu ---> Ô C¿u Yang-tainien ---> DÜÖng ñåi Niên ---> Wu-Tai-shan ---> NgÛ ñài sÖn ---> Wu Tai Yodainen (J) mountain Yang-chi ---> DÜÖng Kÿ Wu-chang ---> NgÛ thÜ©ng ---> Five constants --- Yang-ch'i-Fang-hui ---> DÜÖng Kÿ Phong H¶i > Wu-ch'ang (C) Yang-ch'i-p'ai ---> DÜÖng Kÿ phái ---> Yogi-shu Wu-chen-p'ien ---> Ng¶ chân biŒn (J), Yogi-ha (J), Yang-ch'i tsung (C) Wu-ch'ien-wu-pai-fo-ming-shen-chou-chu- Yang-ch'i-tsung ---> DÜÖng Kÿ tông chang-mieh-tsui-ching ---> NgÛ thiên ngÛ Yang-chou ---> DÜÖng châu bách PhÆt thÀn chú trØ chÜ§ng diŒt ti kinh Wu-chiu ---> Ô C¿u ---> Wu Jiu (C), Ukyu (J) Yangqipai ---> DÜÖng Kÿ phái Wu-cho ---> Vô TrÜ§c ---> Wuzhuo (C), Mujaku Yangqizong ---> DÜÖng Kÿ phái (J) Yang-shan-Hui-chi ---> NgÜ«ng SÖn HuŒ TÎ ch - Wu-chun ---> Vô ChuÄn --> Kyozan Ejaku (J) Wu-hsing ---> NgÛ hành ---> Five elements Yang-shan-tsung ---> NgÜ«ng SÖn tông ---> Wu-liang-i-ching ---> Vô LÜ®ng Th† kinh Kyozan-shu (J) Wu-men-Hui-k'ai ---> Vô môn HuŒ Khai Yanquan-Qi'an ---> Diêm Quan TŠ An Wu-shan ---> NgÛ sÖn ---> Gosan (J) Yao--shan-Wei-yen ---> DÜ®c SÖn Duy Nghiêm Wu-t'ai-shan ---> NgÛ ñài sÖn ---> Wutaishan Yao-Dynasty ---> Nghiêu triŠu (C) Yao-Ch'in-dynasty ---> Dao TÀn triŠu

PhÀn Hoa - ViŒt

Yao-shih-i-kuei-i-chu ---> DÜ®c SÜ nghi quÏ -> Yinyuan Longqi (C), Ingen Ryuki (J) nhÃt cø Yi-tsing ---> Nghï a Tí n ñåi sÜ Yao-shih-ju-lai-hsien-kuan-chien-lueh-i-kuei Yogeshvara ---> Du già giác giä ---> DÜ®c SÜ nhÜ lai hiŒn quán giän lÜ®c nghi Yogi ---> DÜÖng kÿ ---> naljorpa (T) ---> Du già quï Yogi-P'ai ---> DÜÖng Kÿ phái ---> Yogi School

---> Yao-shih-ju-lai-kuan-hsing-i-kuei-fa ---> DÜ®c Yangqizong (C), Yangqipai (C), Yogishu (J) SÜ nhÜ lai quán hånh nghi quÏ pháp Yogi-ha ---> DÜÖng Kÿ phái Yao-shih-ju-lai-nien-sung-i-kuei ---> DÜ®c SÜ Yogi-shü ---> DÜÖng Kÿ tông nhÜ lai niŒm tøng nghi quï Yongjia-Xuanjue ---> Vï nh Gia HuyŠn Giác Yao-shih-ju-lai-pen-yuan-ching ---> DÜ®c SÜ Yu-Fa-k'ai ---> Vu Pháp Khai nhÜ lai b°n nguyŒn kinh Yao-shih-ju-lai-pen-yuan-ching-hsu ---> DÜ®c Yu-Tao-sui ---> Vu ñåo Thúy SÜ NhÜ Lai b°n nguyŒn kinh t¿ Yuan-ch'i ---> Nguyên khí ---> Primordial breath Yao-shih-liu-li-kuang-ch'i-fo-pen-yuan-kung- Yuan-chou-Hsueh-yen ---> Viên Châu Tuy‰t te-ching ---> DÜ®c SÜ LÜu Ly Quang thÃt phÆt Nham b°n nguyŒn công ñÙc kinh Yuan-wu-K'o-ch'in ---> Viên Ng¶ Kh¡c CÀn ---> Yao-shih-liu-li-kuang-ju-lai-hsiao-tsai-ch'u- Engo Kokugon (J) nan-nien-sung-i-kuei ---> DÜ®c SÜ LÜu Ly Yueh-ching ---> Nhåc Kinh ---> Book of Music Quang NhÜ Lai tiêu tai trØ nån niŒm tøng nghi Yueh-shan-Wei-yen ---> DÜ®c SÖn Duy Nghiêm quï ---> Yakusan Igen (J) Yao-shih-liu-li-kuang-ju-lai-pen-yuan-kung- Yueh-ting-Tao-lun ---> NguyŒt ñÌ nh ñåo Luân te-ching ---> DÜ®c SÜ LÜu Ly Quang NhÜ Lai Yu-huang ---> Ng†c Hoàng ---> Jade Emperor b°n nguyŒn công ñÙc kinh Yulu ---> Ng» løc ---> Goroku (J) Yao-shih-liu-li-kuang-wang-ch'i-fo-pen-yuan- Yun-Chu-hsi ---> Vân CÜ Tí ch kung-te-ching-nien-sung-i-kuei ---> DÜ®c SÜ Yun-Chu-Tao-yin ---> Vân CÜ ñåo Đng LÜu Ly Quang VÜÖng thÃt phÆt b°n nguyŒn Yun-feng-Wen-yueh ---> Vân Phong Væn DuyŒt công ñÙc kinh niŒm tøng nghi quÏ Yun-men-Tao-hsin ---> Vân Môn ñåo Tí n Yao-shih-liu-li-kuang-wang-ch'i-fo-pen-yuan- kung-te-ching-nien-sung-i-kuei-k ung-Yun-men-Wen-Yen ---> Vân Môn Væn Y‹n ---> Ummon Bunyen (J) wang-fa ---> DÜ®c SÜ LÜu Ly Quang VÜÖng Yun-yen-Tan-Cheng ---> Vân Nham ñàm thÃt phÆt b°n nguyŒn công ñÙc kinh niŒm tøng Thånh nghi quï cúng dÜ©ng ---> pháp Yunchi-Ch'i-ch'ien ---> Vân CÃp ThÃt Tiêm ---> Yechu ---> HuŒ Trung QuÓc SÜ Cloud Book Cassette and Seven Strips of Bamboo - Yen-Hui ---> Nhan HÒi --> Yunji Qipian (C) Yen-Tou-Chuan-huo ---> Nham ñÀu Toàn Yun-chi-Temple ---> Vân Thê t¿ Hoát ---> Ganto Zenkatsu (J) Yun-chu-Tao-ying ---> Vân CÜ ñåo Đng ---> Yen-kuan-Ch'i-an ---> Diêm Quan TŠ An ---> Yunzhu Daoying (C), Ungo Doyo (J) Yanquan Qi'an (C), Enkan Seian (J) Yung-kai-Chih-yung ---> Vân Cái Chí Ngung Yen-t'ou ---> Nham ñÀu Yung-chia-Hsuan-chueh ---> Vï nh Gia HuyŠn Yen-t'ou-Chuan-huo ---> Nham ñÀu Toàn Hoát Giác ---> Yongjia Xuanjue (C), Yoka Genkaku ---> Ganto Zenkatsu (J) (J) Yeshin-in ---> Duy Tí n viŒn Yung-ming-Yen-shou ---> Vï nh Minh Diên Th† - Yijing ---> Kinh DÎ ch --> Yomyo Enju (J) Yin ---> Âm ---> Negative Yungminh-Yenshou ---> Vï nh Minh DiŒn Th† -- Yin-Dynasty ---> Ân triŠu ---> Nhà Ân -> Yomeiji (J) Ying-chou ---> Đng châu Yunji-Qipian ---> Vân CÃp ThÃt Tiêm Yin-Tsung ---> ƒn Tông ---> Inshu (J) Yun-yen-T'an-sheng ---> Viên Nham ñàm Yinyuan-Longqi ---> ...n Nguyên Long Khí Thåch ---> Ungan Donjo (J) Yun-yen Tan- Yin-Yuan-Lung-ch'i ---> ...n Nguyên Long Khí --sheng (C)

PhÀn Hoa - ViŒt

Yunzhu-Daoying ---> Vân CÜ ñåo Đng Zhaozhou-Congshen ---> TriŒu Châu Tòng Yu-tan ---> Đu ñàm ThÄm Zhang-Daoling ---> TrÜÖng ñåo Læng Zhenren ---> Chân nhân

Zhang-Guolao ---> TrÜÖng quÓc Lão Zhenzongdashi ---> Chân Tông ñåi sÜ ---> Zhang-Jue ---> TrÜÖng Giác Shinshu Daishi (J) Zhang-Xien ---> TrÜÖng Tiên Zhimen-Guangzi ---> Trí Môn Quang T¶ Zhang-Xiong ---> TrÜÖng LÜÖng Zihu-Lizong ---> Tº HÒ Lš Tông Zhang-Zongyen ---> TrÜÖng TÓng Yên Zongmi ---> Tông MÆt Zhangjing-huaihui ---> TrÜ©ng Khánh Hoài Zuzo-sho ---> ñÒ tÜ®ng sao HuŒ

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.